

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TĐC21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02072** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục Chính trị**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTĐC0264	Nguyễn Phúc An	24/06/2006				5	6				7.5		6.8
2	21BTĐC0265	Lê Hoàng Anh	11/04/2006				6	7				5.5		6.0
3	21BTĐC0266	Huỳnh Văn Thái	22/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTĐC0267	Huỳnh Văn Bo	19/04/2006				5	6				7.5		6.8
5	21BTĐC0268	Lê Nguyễn Tiến Đạt	21/02/2006				5	6				5.8		5.7
6	21BTĐC0269	Phùng Văn Đông	22/04/2006				5	6				7.0		6.5
7	21BTĐC0270	Nguyễn Nhật Trường	12/01/2006				9	6				7.3		7.2
8	21BTĐC0271	Nguyễn Hồng Gia	19/11/2005				8	7				8.0		7.7
9	21BTĐC0272	Đỗ Văn Hậu	29/04/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTĐC0273	Ngô Nguyễn Hoàng Hiếu	10/11/2005				6	6				6.3		6.2
11	21BTĐC0274	Ông Xuân Hòa	12/11/2004				0	0				0.0	0.0	0.0
12	21BTĐC0275	Phan Tấn Hoàng	06/12/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTĐC0276	Nguyễn Huỳnh Bảo Hôn	22/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTĐC0277	Dương Lý Khang	09/01/2006				7	6				5.5		5.8
15	21BTĐC0278	Ngô Tuấn Khang	29/11/2006				8	7				8.0		7.7
16	21BTĐC0279	Nguyễn Nhựt Khang	15/08/2006				7	6				5.5		5.8
17	21BTĐC0280	Trần Minh Khánh	07/07/2006				7	6				8.0		7.3
18	21BTĐC0281	Đỗ Anh Kiệt	27/03/2006				9	7				7.5		7.6
19	21BTĐC0282	Lâm Tuấn Kiệt	12/07/2006				7	8				6.8		7.1
20	21BTĐC0283	Võ Tuấn Kiệt	18/11/2006				7	6				5.8		6.0
21	21BTĐC0284	Trần Chí Linh	28/02/2006				5	6				5.8		5.7
22	21BTĐC0285	Trần Thiên Quốc Lộc	04/12/2004				0	0				0.0		0.0
23	21BTĐC0286	Nguyễn Hữu Lượng	04/12/2006				9	7				10.0		9.1
24	21BTĐC0287	Giang Tấn Mạnh	10/12/2005				5	6				9.0		7.7
25	21BTĐC0288	Võ Hoàng Nam	11/03/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
26	21BTĐC0289	Nguyễn Huỳnh Ngân	31/10/2006				8	6				7.8		7.3
27	21BTĐC0290	Lương Thế Phong	01/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
28	21BTĐC0291	Nguyễn Bảo Phúc	23/06/2006				5	6				6.5		6.2
29	21BTĐC0292	Nguyễn Hoàng Phúc	28/01/2006				5	6				5.3		5.4
30	21BTĐC0293	Hà Quốc Thắng	27/12/2006				5	6				5.5		5.6
31	21BTĐC0294	Ngô Trung Thành	22/02/2006				8	7				8.5		8.0
32	21BTĐC0295	Nguyễn Trung Tín	02/02/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
33	21BTĐC0296	Võ Thành Tín	01/05/2003				5	6				8.0		7.1
34	21BTĐC0297	Giang Quốc Toàn	22/09/2006				5	6				6.8		6.3
35	21BTĐC0298	Nguyễn Hữu Toàn	25/06/2006				5	6				6.8		6.3

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
36	21BTĐC0299	Lương Khiết	Tường	23/08/2006				9	6				6.0		6.4
37	21BTĐC0300	Mã Vĩnh	Tường	14/10/2006				0	0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 17 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Quang Huy